

**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

-----***-----



**BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỆ
THỐNG AN KIM HẢI**

ĐỢT 4 NGÀY 24 THÁNG 6 NĂM 2020

**NHIỆM VỤ: GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG HỆ
THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN KIM HẢI PHỤC VỤ LẤY NƯỚC SẢN
XUẤT NÔNG NGHIỆP**

HÀ NỘI, NĂM 2020

**VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG**

-----***-----



**BẢN TIN KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC HỆ
THỐNG AN KIM HẢI**

ĐỢT 4 NGÀY 24 THÁNG 6 NĂM 2020

**NHIỆM VỤ: GIÁM SÁT, DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TRONG
HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN KIM HẢI PHỤC VỤ LẤY NƯỚC
SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Chủ nhiệm nhiệm vụ

**CƠ QUAN THỰC HIỆN
Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường**

ThS. Phí Thị Hằng

Thông tin chung: Dự án giám sát, dự báo chất lượng nước phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp hệ thống công trình thủy lợi An Kim Hải được Tổng cục Thủy lợi - Bộ NN&PTNN giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện hàng năm. Thời gian thực hiện quan trắc từ 9/2/2020 đến 17/5/2020, trong đó tháng 2,3,4 và 5 mỗi tháng có 2 kỳ lấy mẫu. Báo cáo kỳ được đưa lên trang [web www.httl.com.vn](http://web.www.httl.com.vn); và gửi các địa phương vùng dự án.

HÀ NỘI, NĂM 2020

1. Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi An Kim Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

2. Ngày quan trắc: 24/6/2020

3. Ngày cung cấp thông tin: 3/7/2020

4. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

5. Người cung cấp thông tin: ThS. Phí Thị Hằng

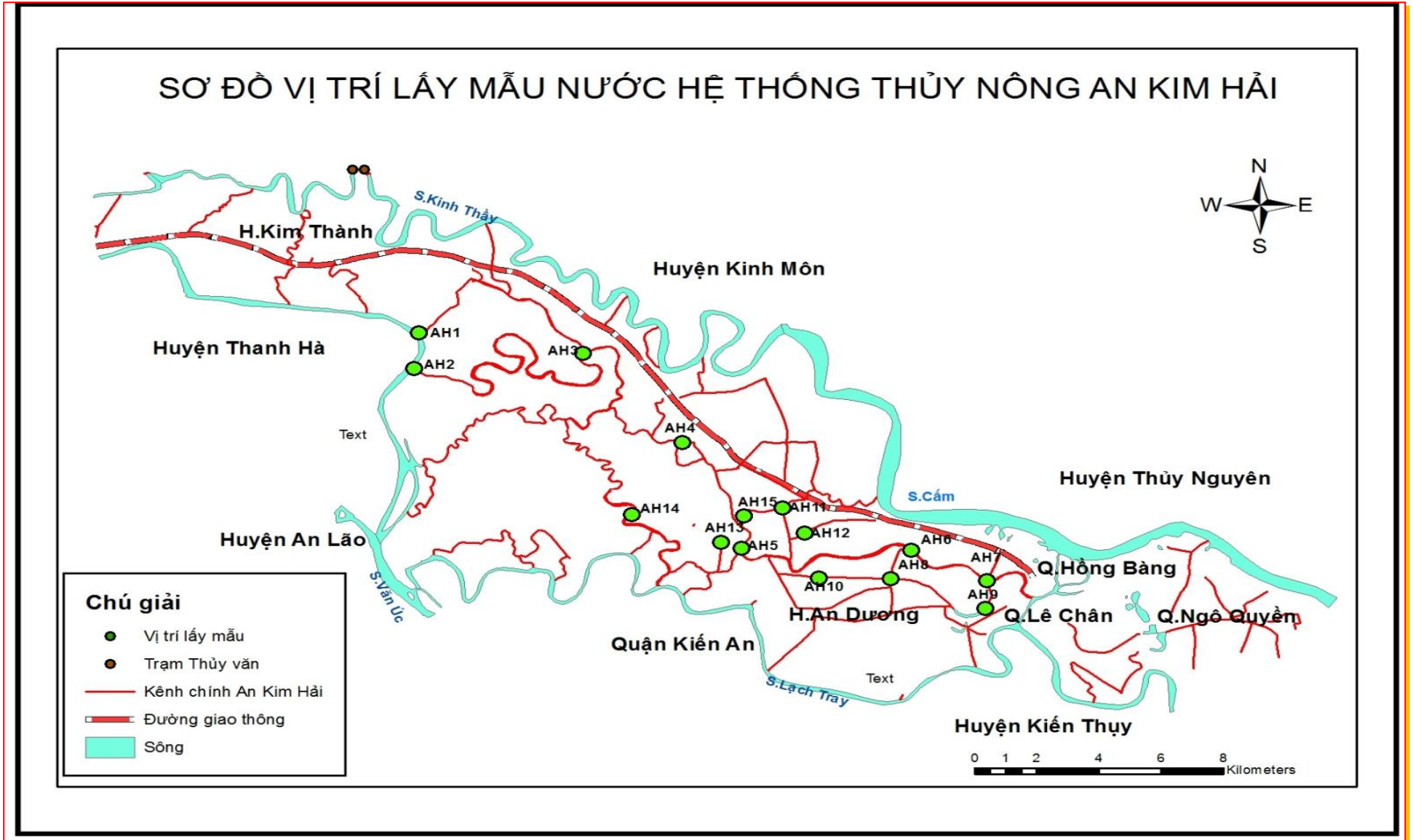
6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Kim Hải. Xí Nghiệp thủy nông huyện Kim Thành, Chi cục thủy lợi thành phố Hải Phòng, Chi cục thủy lợi tỉnh Hải Dương.

7. Vị trí lấy mẫu:

<i>TT</i>	<i>Ký hiệu mẫu</i>	<i>Tên</i>	<i>Lưu vực khống chế</i>
1	AH1	Sau cống Bằng Lai	Kiểm soát chất lượng nước nguồn nước cấp từ sông Rạng qua cống Bằng Lai
2	AH2	Sau cống Quảng Đạt	Kiểm soát chất lượng nước nguồn nước cấp từ sông Rạng qua cống Quảng Đạt
3	AH3	Cầu Kim Khê trên kênh An Kim Hải	Điểm hội tụ của 2 đầu mối Quảng Đạt và Bằng Lai khu vực nước tưới của phía trên huyện Kim Thành
4	AH4	Cầu Hồ	Khống chế chất lượng nước từ ngã ba Kim Khê đến Cầu Hồ
5	AH5	Trước Cầu rế mới (cầu Hà Liên) trên sông Rế	Điểm rẽ của hai kênh chính khống chế nước của khu vực xã Bắc Sơn, Hồng Phong, Tân Tiến
6	AH6	Trước nhà máy nước Cầu Rế (cũ) trên sông Rế	Điểm hội tụ của 2 nhánh chính khống chế nước của phường Lê Lợi, Nam Sơn, Bắc sơn
7	AH7	Cống Cái Tắt trên sông Rế	Khống chế nước cuối sông Rế
8	AH8	Cầu Đen trên kênh An Kim Hải	Khống chế chất lượng nước trên khu vực xã Đặng Cường, Quốc Tuấn, Hồng Thái
9	AH9	Cống luồn trên kênh chính An Kim Hải	Trước xi phông dẫn nước khống chế nước của An Đồng, Đồng Thái
10	AH10	Đập Trần Duệ	Vùng giữa của kênh chính An Kim Hải khống chế chất lượng nước tưới khu vực xã Quốc Tuấn và Lê Lợi
11	AH11	Kênh Tân Hưng Hồng	Kênh liên xã với tổng chiều dài 11,947km, chạy qua 2 xã Tân Tiến và An Hồng. Kênh đi qua nhiều khu dân cư đông đúc.
12	AH12	Kênh Bắc Nam Hùng (đoạn từ cống Tây hà đến cống An trì)	Kênh đi qua 3 xã Bắc Sơn, Nam Sơn, và Hùng Vương. Kênh có chiều dài 7,8km, kênh đi qua nhiều khu công nghiệp lớn và là kênh trung chuyển nguồn nước thải từ các khu công

			ngành lớn chảy ra hệ thống
13	AH13	Kênh Hoàng Lôu	Kênh đi qua xã Hồng Phong, kênh có chiều dài 3,8km và đi qua khu dân cư cũng như một số xưởng sản xuất nhỏ
14	AH14	Kênh Hòa Phong	Kênh đi qua 2 xã Hồng Phong và Hồng Thái, kênh có chiều dài 11,98 km. Kênh có chiều dài lớn và chạy qua nhiều khu dân cư đông đúc và một số làng nghề sản xuất nhỏ
15	AH15	Kênh tiêu Tân Tiến	Là kênh tiêu đi qua xã Tân Tiến, có chiều dài 4,24km và tiêu cho một số khu công nghiệp và dân cư trong xã
16	AH16	Cống Bãi Mắm trên kênh Đại Hưng	Kênh đi qua xã Đại Bản và An Hưng. Kênh dài 3,37km bắt đầu từ cống Bãi Mắm, kết thúc tại đập An Hưng.
17	AH17	Cống Tiên Sa trên kênh Đặng Quốc Hùng	Kênh bắt nguồn từ cống Tiên Sa và kết thúc ở đập Đồng Quang. Kênh dài 5,127km có nhiệm vụ cung cấp nước tưới cho các khu vực trên địa bàn tuyến kênh đi qua và bổ sung nguồn cho kênh chính An Kim Hải (nhánh 2).
18	AH18	Cống Kim Sơn trên kênh Kim Xá	Kênh đi qua xã Đặng Cương, Quốc Tuấn và Hồng Thái. Kênh Kim Xá đi qua xã Lê Thiện, Kênh dài 2,67 km, Bắt đầu từ cống Kim Sơn và kết thúc tại đập Cũ, kênh có nhiệm vụ bổ sung nguồn nước cho kênh trục chính An Kim Hải
19	AH19	Trước trạm bơm Hồ Đông	Kênh Hồ Đông có chiều dài 1km. Kênh đi qua Cụm công nghiệp An Dương, chợ Hồ Đông, khu chăn nuôi xã Hồ Đông và là kênh tiếp nhận nguồn nước thải của hơn 2000 hộ dân xã Hồ Đông
20	AH20	Vị trí giữa kênh tiêu Ba Xã	Kênh tiêu Ba Xã chạy qua 3 xã Phúc Thành, Kim Xuyên và Kim Đính huyện Kim Thành. Kênh tiếp nhận nguồn nước thải của Cụm công nghiệp Phước Thành và nguồn nước thải của các trang chăn nuôi huyện Kim Thành.

8. Bản đồ vị trí các trạm quan trắc:



9. BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 1
Bảng 1. Kết quả phân tích chất lượng nước và tính chỉ số chất lượng nước WQI

TT	Vị trí lấy mẫu	nhịệt độ	pH	EC	DO	Độ đục	TSS	Cl ⁻	N-NH ₄ ⁺	N-NO ₂ ⁻	N-NO ₃ ⁻	P-PO ₄ ³⁻	COD	BOD ₅	Coliform	Cu	Pb	Cd
		mg/l		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/100ml	mg/l	ppb	ppb
1	Cống Bằng Lai (AH1)	36	7,3	230	7,04	8,01	11,54	12,86	0,56	0,01	<0,01	0,2	20,3	8,2	110	-	-	-
2	Cống Quảng Đạt (AH2)	34	7,2	230	7,2	13,33	12,38	15,43	0,62	0,01	<0,01	0,52	16,3	6,6	410	-	-	-
3	Cầu Kim Khê (AH3)	34	7,1	230	7,52	21,28	28,68	24,01	0,34	0,01	<0,01	0,62	34,5	15,7	680	-	-	-
4	Cầu Hồ (AH4)	33	7	280	6,56	13,03	15,14	21,43	0,9	0,01	<0,01	1,06	32,5	14,2	1300	0,125	1,18	0,25
5	Cầu Rế mới (Cầu Hà Liên - AH5)	34	6,5	310	5,44	38,11	39,19	57,44	0,39	0,01	<0,01	1,16	26,4	10,4	10000	0,058	0,57	0,48
6	Cầu Rế cũ (AH6)	31	7	150	5,6	38,23	41,31	24,01	0,28	0,01	<0,01	0,94	16,3	6,6	11000	0,113	0,59	0,69
7	Cống Cái Tắt (AH7)	33	7	340	6,88	64,2	64,35	30,01	0,67	0,01	<0,01	0,96	28,4	11,2	61000	0,119	1,26	0,82
8	Cầu Đen (AH8)	31	6,8	450	5,44	11,11	19,32	54,87	0,5	0,01	<0,01	0,8	24,4	10,9	7900	0,124	1,53	0,84
9	Cống Luồn (AH9)	31	6,9	520	4,48	10,64	14,88	62,59	1,51	0,01	0,03	2,24	46,7	18,8	11000	0,077	0,71	1,54
10	Đập Trần Duệ (AH10)	32	6,9	380	4,48	12,13	16,94	41,15	0,78	0,01	0,01	1,94	28,4	11,2	92000	0,059	1,62	0,69
11	Kênh Tân Hưng Hồng (AH11)	34	7,2	300	1,6	28,81	21,59	216,1	7,45	<0,01	0,02	1,96	75,2	33,7	47000	0,163	1,6	1,47
12	Kênh Bắc Nam Hùng (AH12)	32	7,1	1280	6,72	23,03	23,05	25,72	0,45	<0,01	0,04	0,96	38,6	17,2	63000	0,135	1,71	1,42
13	Kênh Hoàng Lâu (AH13)	38	7,1	1290	0,48	21,03	27,68	150	11,2	<0,01	0,05	1,1	126	48,1	35000	0,126	1,45	0,72
14	Kênh Hòa	34	7,4	280	4,8	26,13	23,27	30,01	1,23	0,01	0,01	1,26	20,3	8,2	16000	0,135	1,27	1,2

	Phong (AH14)														0			
15	Kênh tiêu Tân Tiên (AH15)	34	7,2	690	4	13,63	15,53	77,16	9,24	0,02	0,01	1,22	71,1	32,4	2300	0,12	2,22	1,34
16	Cống Bãi Mắm trên kênh Đại Hưng	35	7,2	240	5,12	23,65	32,19	24,01	0,62	0,04	0,01	0,84	12,2	5,4	81000	0,074	0,88	1,03
17	Cống Tiên Sa trên kênh Đặng Quốc Hùng	33	6,5	450	6,24	31,83	22,49	23,15	0,67	0,04	0,02	1,34	14,2	5,9	230	0,061	1,21	1,23
18	Cống Kim Sơn trên kênh Kim Xá	32	7,3	252	3,2	30,23	35,49	32,58	0,67	0,02	0,11	0,78	48,8	19,5	1400	0,132	0,85	0,82
19	Trước trạm bơm Hồ Đông	34	7	1380	5,28	10,61	11,74	16,29	0,62	0,02	0,03	0,52	18,3	7,3	510	0,038	0,59	0,51
20	Vị trí giữa kênh tiêu Ba Xã	31	7	296	0	20,36	27,72	74,59	22,06	<0.01	0,01	2,58	132,1	50,2	92000 0	0,159	2,67	1,72
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT A2	-	6 - 8,5	-	≥5	-	30	350	0,3	0,05	5	0,2	15	6	5.000	0,2	20	5
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT B1	-	5,5 - 9	-	≥4	-	50	350	0,9	0,05	10	0,3	30	15	7.500	0,5	50	10

II. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC THEO CHỈ SỐ WQI
Bảng 2. Kết quả đánh giá chất lượng theo chỉ số WQI

TT	Vị trí lấy mẫu	WQI	Đánh giá	Xếp loại
1	Cống Bằng Lai (AH1)	68,98	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
2	Cống Quảng Đạt (AH2)	68,46	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
3	Cầu Kim Khê (AH3)	58,27	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
4	Cầu Hồ (AH4)	66,59	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
5	Cầu Rế mới (Cầu Hà Liên - AH5)	63,11	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
6	Cầu Rế cũ (AH6)	59,70	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
7	Cống Cái Tắt (AH7)	47,89	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	D
8	Cầu Đen (AH8)	12,88	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
9	Cống Luồn (AH9)	0,43	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
10	Đập Trần Duệ (AH10)	32,20	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	D
11	Kênh Tân Hưng Hồng (AH11)	54,10	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
12	Kênh Bắc Nam Hùng (AH12)	0,10	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
13	Kênh Hoàng Lô (AH13)	10,16	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
14	Kênh Hòa Phong (AH14)	10,31	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
15	Kênh tiêu Tân Tiến (AH15)	0,10	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
16	Cống Bãi Mắm trên kênh Đại Hưng	54,10	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	C
17	Cống Tiên Sa trên kênh Đặng Quốc Hùng	41,05	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	D
18	Cống Kim Sơn trên kênh Kim Xá	42,09	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	D
19	Trước trạm bơm Hồ Đông	0,1	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	E
20	Vị trí giữa kênh tiêu Ba Xã	40,00	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	D

Ghi chú: Đánh giá theo sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước ban hành theo quyết định 879/QĐ-TCMT, ngày 01/7/2011 của

Tổng cục Môi trường. Trong đó:

A- Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt

B- Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;

C- Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;

D- Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;

E- Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Bảng 3. Số chỉ tiêu vượt QCVN

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Số chỉ tiêu vượt QCVN 08-NT/2015/BTNMT		Khuyến cáo
			A2	B1	
1	AH1	Sau cống Bằng Lai	1	1	Cần dọn dẹp vệ sinh cả phía bên ngoài sông Rạng trước cửa cống phía nội đồng
2	AH2	Sau cống Quảng Đạt	1	0	Cần dọn dẹp vệ sinh cả phía bên ngoài sông Rạng trước cửa cống phía nội đồng
3	AH3	Cầu Kim Khê trên kênh An Kim Hải	4	1	Xây dựng bờ bao quanh bãi rác sát cầu Kim Khê, chống nước rỉ rác và rác thải rắn vương vãi xuống sông. Thường xuyên dọn dẹp và thuê xe của TP về chuyên chở
4	AH4	Cầu Hồ	2	1	Dọn dẹp, vớt bèo vệ sinh hai bên bờ sông, khơi thông dòng chảy
5	AH5	Trước Cầu rế mới (cầu Hà Liên) trên sông Rế	4	0	Dọn dẹp vệ sinh hai bên bờ sông và vớt bèo khơi thông dòng chảy
6	AH6	Trước nhà máy nước Cầu Rế (cũ) trên sông Rế	3	1	Dọn dẹp vệ sinh hai bên bờ sông và vớt bèo khơi thông dòng chảy, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
7	AH7	Cống Cái Tắt trên sông Rế	5	2	Dọn dẹp vệ sinh hai bên bờ sông và vớt bèo khơi thông dòng chảy, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
8	AH8	Cầu Đen trên kênh An Kim Hải	5	2	Dọn dẹp vệ sinh hai bên bờ kênh chính An Kim Hải và tranh thủ mở đập Trần Duệ nhằm rửa trôi và pha loãng
9	AH9	Cống luồn trên kênh chính An Kim Hải	7	5	Quản lý rác thải sinh hoạt hai bên bờ kênh chính An Kim Hải và tranh thủ mở đập Trần Duệ nhằm rửa trôi và pha loãng
10	AH10	Đập Trần Duệ	5	4	Quản lý rác thải sinh hoạt hai bên bờ kênh chính An Kim Hải và tranh thủ mở đập Trần Duệ nhằm rửa trôi và pha loãng
11	AH11	Kênh Tân Hưng Hồng	5	5	Quản lý rác thải sinh hoạt hai bên bờ kênh, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
12	AH12	Kênh Bắc Nam Hùng (đoạn từ cống Tây hà đến cống An trì)	6	3	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải dọc hai bên bờ kênh, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường

BẢN TIN CHẤT LƯỢNG NƯỚC ĐỢT 4 - THÁNG 6 NĂM 2020- AN KIM HẢI

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Số chỉ tiêu vượt QCVN 08-NT/2015/BTNMT		Khuyến cáo
13	AH13	Kênh Hoàng Lôu	7	5	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải nhất là trại nuôi lợn, gà trong xã
14	AH14	Kênh Hòa Phong	6	5	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, dọn dẹp vớt bèo trước cửa cống, tuyên truyền bà con thu dọn rác đúng quy định, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
15	AH15	Kênh tiêu Tân Tiến	7	6	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
16	AH16	Cống Bãi Mắm trên kênh Đại Hưng	4	1	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
17	AH17	Cống Tiên Sa trên kênh Đặng Quốc Hùng	2	1	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, dọn dẹp vớt bèo trước cửa cống, tuyên truyền bà con thu dọn rác đúng quy định, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
18	AH18	Cống Kim Sơn trên kênh Kim Xá	4	1	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, dọn dẹp vớt bèo trước cửa cống, tuyên truyền bà con thu dọn rác đúng quy định, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
19	AH19	Trước trạm bơm Hồ Đông	7	7	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường
20	AH20	Vị trí giữa kênh tiêu Ba Xã	4	3	Kiểm tra và quản lý chặt chẽ các nguồn thải, dọn dẹp vớt bèo trước cửa cống, tuyên truyền bà con thu dọn rác đúng quy định, tuyên truyền nhắc nhở các hộ dân sống hai bên bờ kênh về vệ sinh môi trường

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

V. CÁC ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

Kết quả phân tích chất lượng nước trong đợt 4 đã thể hiện chất lượng nước hiện tại trong hệ thống An Kim Hải trong giai đoạn tháng 6. Đây là giai đoạn trên toàn hệ thống lúa đã được thu hoạch, lác đác có diện tích đang được cấy lúa mùa sớm. Các diện tích trồng đậu

và khoai, lạc và rau màu đang được luân phiên chuyển đổi cho cây trồng. Vì vậy nhu cầu về nước tưới trong hệ thống tại thời điểm này đạt ở mức thấp.

+ Thời tiết ngày 24/6/2020 : Trời nắng nóng buổi sáng nhiệt độ đạt mức 35-37^oC ; Buổi trưa đạt mức 39-42^oC ; buổi chiều đạt mức 35- 37^oC . Gió đông nam cấp 2. Độ ẩm thấp. Đỉnh triều đạt lúc 18h.

+ Công tác vận hành hệ thống ngày 24/6/2020 : Cổng Cái Tắt mở 02 cửa trong khoảng thời gian từ 6h sáng đến 11h 30' ; Cổng Bằng Lai và Cổng Quảng Đạt được mở từ 15h đến 20h. Các cổng Kim Sơn, cổng Kim Sa, cổng Bãi Mắm và cổng Luồn đóng; Các cổng và các đập ngăn trên các hệ thống kênh cấp I đều được mở nhằm mục đích rút nước tháo đảo nước trong hệ thống giảm thiểu ô nhiễm nước.

Thời gian tiếp theo để chất lượng nước trên hệ thống An Kim Hải có thể phục vụ cho mục đích tưới tiêu và cấp nước sinh hoạt tốt hơn thì Công ty, xí nghiệp quản lý hệ thống An Kim Hải cần chú ý:

- Thường xuyên đi kiểm tra và quản lý các nguồn thải chưa được cấp phép xả vào hệ thống
- Tập trung vớt bèo, tuyên truyền bà con không vứt rác bừa bãi xuống kênh mương nhằm khơi thông dòng chảy. Nhất là đoạn tiếp giáp giữa kênh Hòa Phong và sông trực chính An Kim Hải.
- Theo dõi con triều tranh thủ mở các cổng ngang để bổ sung nguồn nước cấp và cổng Cái Tắt và cổng Luồn mở nhằm tiêu thoát nước ra sông Cấm.

Hà Nội, ngày 3 tháng 07 năm 2020

Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường